

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

✎ BÙI THỊ BÍCH THUẬN*

Ngày nhận: 03/7/2022

Ngày phản biện: 18/8/2022

Ngày duyệt đăng: 30/8/2022

Tóm tắt: Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nông thôn và có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, nhờ đó nông nghiệp, nông thôn nước ta trong những năm qua đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh tốc độ công nghiệp hóa nhanh; Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số tác động mạnh mẽ; thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp, Đại hội XIII của Đảng và “Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” của Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo sát sao, trên cơ sở đó bài viết đề cập đến một số giải pháp để phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Nông nghiệp, nông thôn; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Văn kiện Đại hội XIII.

AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT POLICY IN THE COUNTRY'S INDUSTRIAL AND MODERNIZATION

Abstract: In the process of industrialization and modernization of the country, the Party and State have always paid attention to the development of agriculture and rural areas and have adopted many correct guidelines and policies suitable to reality. Thanks to that, our country's agriculture and rural areas have achieved many important achievements in recent years, but there are still some limitations and difficulties. In the context of rapid industrialization; Industrial Revolution 4.0 and digital transformation have a strong impact; Natural disasters and epidemics are increasingly complicated, the 13th Party Congress and the Prime Minister's "Strategy for sustainable agricultural and rural development for the period of 2021 - 2030, with a vision to 2050" of the Prime Minister closely, on that basis, the article mentions some solutions to develop agriculture and rural areas in the current period.

Keywords: Agriculture, rural areas; Industrialization and modernization; Documents of the XIII Congress.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia. Nông thôn là địa bàn phát triển kinh tế quan trọng, là không gian chính gắn với tài nguyên thiên nhiên, nền tảng văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước. Nông dân là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng. Vì vậy, quan tâm đến nông nghiệp, nông thôn là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Một số chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đường lối công nghiệp hóa ở Việt Nam bắt đầu được hình thành từ Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960) và được xác định là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, đường lối công nghiệp

hóa của Đảng tại Đại hội lần thứ III và lần thứ IV (năm 1976) chủ trương lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, không tập trung phát triển nông nghiệp, công nghiệp nặng luôn được đặt lên vị trí ưu tiên trong khi nông nghiệp chỉ được coi là lĩnh vực phối hợp thứ yếu. Bên cạnh đó, trong thời gian dài, do nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam có xuất phát điểm rất thấp, đất nước lại chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh tàn phá kéo dài. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, phát triển nông nghiệp trong mô hình hợp tác xã, chưa phát huy hết tính tự nguyện, sáng tạo của nông dân. Vì vậy, nền nông nghiệp Việt Nam chậm được phục hồi sau chiến tranh và rơi vào tình trạng khủng hoảng, đời sống của các tầng lớp nhân dân trước hết là nông dân vô cùng khó khăn.

Năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đề ra Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp,

* Trường Đại học Công đoàn

thể hiện một cách làm mới, một hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp, đem lại niềm phấn khởi và khí thế mới ở nông thôn, giải phóng sức sản xuất cho hàng triệu nông dân. Đây cũng là cơ sở để Đảng ngày càng coi trọng vai trò của nông nghiệp, nông thôn. Đến Đại hội lần thứ V (1982), Đảng đã xác định trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đây là bước điều chỉnh rất đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên chủ trương đường lối của Đảng là đúng, nhưng trong thực tế các địa phương không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội V. Vì vậy dẫn đến nền kinh tế Việt Nam không những không phát triển, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới, tình hình kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng đã chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có vấn đề nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”, xác định rõ vai trò của kinh tế hộ, coi hộ gia đình xã viên hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất và làm chủ thêm nhiều tư liệu sản xuất chủ yếu khác như sức kéo và công cụ sản xuất. Tác dụng của cơ chế Khoán 10 cùng với những thành tựu về thủy lợi, cải tạo giống, thâm canh tăng năng suất ở đồng bằng Bắc Bộ và mở rộng diện tích đất canh tác ở đồng bằng sông Cửu Long đã đưa nền nông nghiệp Việt Nam sang trang sử mới.

Các văn kiện Đại hội lần thứ VI, VII, VIII, IX, X của Đảng và nhiều chỉ thị, nghị quyết hội nghị Trung ương trong các nhiệm kỳ đều thể hiện rõ chủ trương chiến lược nhất quán đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, từng bước xác định ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, tiến đến khẳng định thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cả trong trước mắt và lâu dài.

Đặc biệt, ngày 5/8/2008 hội nghị Ban Chấp hành

Trung ương lần thứ 7 (khoá X) đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” theo đó xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn. Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, Chính phủ đã khẩn trương ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với 45 chương trình, đề án cụ thể. Các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp đã quán triệt nghiêm túc Nghị quyết, đề ra nhiệm vụ trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp và có chương trình hành động cụ thể để thực hiện. Nhiều chương trình, đề án, chính sách sau khi ban hành đã được triển khai và đi vào cuộc sống. Nghị quyết 26-NQ/TW ra đời hợp lòng dân, sát thực tiễn, tính khả thi cao, tạo được cảm hứng của cả hệ thống chính trị. Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện rất bài bản của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, của các cơ quan nhà nước đã thúc đẩy tính tích cực của các cấp ủy, tổ chức Đảng, Ban, Bộ, ngành Trung ương tạo ra bước chuyển mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động và đạt được nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Sau thời gian triển khai Nghị quyết 26-NQ/TW, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào có ảnh hưởng sâu rộng và có tác dụng lớn trong việc nâng cao đời sống nhân dân. Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó, một số văn bản tiếp theo được ban hành như Quyết định số 193/QĐ-TTg phê duyệt chương trình rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020... Đại hội XI, XII và các chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng đều quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nông thôn, chủ trương phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Trong những năm gần đây, trước bối cảnh và yêu

cầu mới với nhiều biến đổi, trong đó bao gồm cả thuận lợi và khó khăn đan xen. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa đang diễn ra rất nhanh; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ; Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội; thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp; biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh; những vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phân tầng xã hội; hậu quả và tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đã, đang và tiếp tục ảnh hưởng đến người dân. Trong tình hình đó, Đại hội XIII của Đảng chủ trương: “Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị”¹.

Triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 28/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định “Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, xác định: “Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường. Phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực (tài nguyên đất, nước, không khí, con người, truyền thống lịch sử, văn hóa) và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm. Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, đời sống cơ bản có chất lượng tiến gần đô thị; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phát triển kinh tế nông thôn đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp, tạo việc làm chính thức, thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa

nông thôn, thành thị và giảm di cư lao động ra các thành phố lớn. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng, phù hợp với từng vùng miền, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; tập trung xây dựng nông thôn mới cấp thôn bản ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”².

Đồng thời, trong chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, Chính phủ đã đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm. Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm. Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%. Cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phấn đấu giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 42%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1 triệu ha. Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. Tầm nhìn đến năm 2050: Phấn đấu Việt Nam trở thành một trong những nước có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.124.

² Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 150/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022, Quyết định “Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”*.

văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị.

2. Thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay

- Một số thành tựu đạt được:

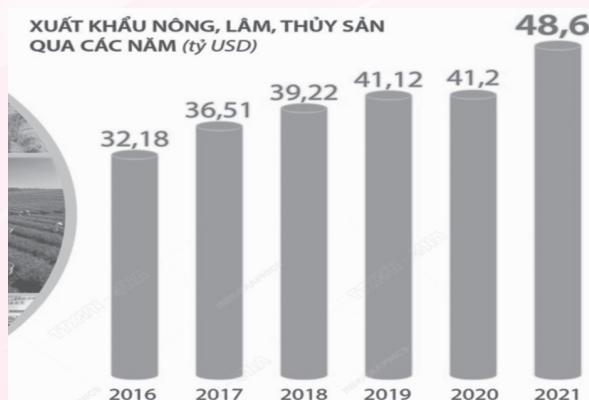
Tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: Liên tục trong nhiều năm nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá cả về giá trị, sản lượng. Đặc biệt, từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu khá toàn diện. Nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân ngày càng được nâng cao. Nông nghiệp trong nhiều năm liền được nhắc đến như là trụ đỡ của nền kinh tế. Thành tựu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã góp phần vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới mà chúng ta đạt được trong thời gian vừa qua. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Nông nghiệp có bước chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả, trực tiếp là trụ đỡ của nền kinh tế; kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành sớm hơn gần 2 năm so với kế hoạch đề ra góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân”³ (đến năm 2020 có trên 62% số xã và 173 huyện đạt chuẩn nông thôn mới).

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh bị tác động bởi đại dịch Covid-19. Nông nghiệp không chỉ tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, mà còn vươn lên trở thành ngành kinh tế năng động, phát triển bền vững, tham gia sâu vào hội nhập kinh tế thế giới. Đặc biệt khi kinh tế - xã hội khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, nông nghiệp đã đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, thặng dư xuất khẩu cao mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước, tạo sinh kế, việc làm và thu nhập ổn định cho người dân nông thôn, góp phần quan trọng ổn định kinh tế - chính trị - xã hội và phát triển đất nước... GDP năm 2020 tăng 2,91%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế⁴; GDP năm 2021 tăng 2,58%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng

góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế⁵.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có những bước tiến vượt bậc. Năm 1986, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 400 triệu USD; đến năm 2007 đạt tới 12 tỷ USD; năm 2017 đạt hơn 36 tỷ USD; năm 2019 đạt 41,3 tỷ USD. Đặc biệt, mặc dù bị tác động bởi dịch Covid-19, nông nghiệp nước ta đã tìm được hướng đi, tiếp tục phát triển, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt khoảng 41,2 tỷ USD và năm 2021 đạt kết quả cao kỷ lục 48,6 tỷ USD. Năm 2021 có 10 nhóm mặt hàng kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD, trong đó có 6 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỉ USD là gỗ và sản phẩm gỗ; tôm; rau quả; hạt điều; gạo, cao su.

Hình 1. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản qua các năm 2016-2021 (tỷ USD)



(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Các liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản phát triển đa dạng, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng và địa phương. Trong đó, nhiều mô hình đã thành công, như mô hình “Cánh đồng mẫu lớn”, “Chuỗi sản xuất, thương mại, chế biến và phân phối sản phẩm khép kín”,

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.61-62.

⁴ Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>

⁵ Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>

"Hợp tác xã, tổ hợp tác kiểu mới", "Doanh nghiệp công nghệ cao trong nông nghiệp"; hoặc các tổ chức hợp tác theo quy mô cộng đồng làng, xã dưới hình thức hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, công ty cổ phần... Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Đầu tư của doanh nghiệp vào khu vực nông nghiệp có xu hướng tăng; liên kết sản xuất trong chuỗi giá trị, khép kín có bước phát triển. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp đã thực hiện theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; sắp xếp các nông, lâm trường quốc doanh và phát triển dịch vụ môi trường rừng đạt kết quả tích cực. Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất trên biển đã được tổ chức lại theo mô hình hợp tác đối với khai thác vùng biển khơi và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ, bước đầu đã thu hút được đông đảo ngư dân và góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn tàu cá. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản liên tục tăng, thị trường tiêu thụ được mở rộng"⁶.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được quan tâm xây dựng. Nông nghiệp được đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế. Cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi, hệ thống điện, thông tin phát triển nhanh về cả số lượng và chất lượng. Ở nhiều vùng nông thôn, các hình thức hạ tầng bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm tiện ích đã bắt đầu phát triển.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở nông thôn. Đời sống nông dân và bộ mặt kinh tế nông thôn có những đổi thay rõ rệt. Từ một nước thường xuyên thiếu đói, hàng năm phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực, đến nay, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Thu nhập và đời sống người dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm bình quân 1,8%/năm; trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của nông dân được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm nhanh, năm 2008 tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn theo chuẩn nghèo đa chiều là 13,5%, đến năm 2020, chỉ còn khoảng 4,2%. Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng gấp 4,5 lần trong giai đoạn 2008-2020. Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh, phổ cập giáo dục, văn

hóa, thông tin, thể thao được quan tâm và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả.

- Một số hạn chế:

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu là nhỏ lẻ, manh mún, việc ứng dụng khoa học công nghệ, cũng như phát triển công nghiệp chế biến nông sản chưa cao như những nước khác trong khu vực và trên thế giới. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến, bảo quản còn hạn chế, chưa tạo được "đột phá" để nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm, ngành, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hơn. Vì vậy, khả năng cạnh tranh, năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam vẫn còn thấp. Sự gắn kết giữa sản xuất và thị trường trong nông nghiệp còn yếu. Trên thực tế, nông nghiệp Việt Nam vẫn còn tình trạng "được mùa rớt giá" do chúng ta chưa thực sự làm chủ thị trường đầu ra. Số lượng và giá nông sản xuất khẩu không ổn định; lúc mất mùa, thiên tai, dịch bệnh thì không được gì. Vì vậy, luôn có tình trạng nông dân thường xuyên thay đổi cây trồng, vật nuôi, không yên tâm tích lũy kinh nghiệm, sản xuất ổn định lâu dài. Đa số hộ nông dân - những đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp - có tiềm lực kinh tế rất nhỏ, sản xuất đơn lẻ, thiếu khả năng tương thích với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nông nghiệp phát triển chưa bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn khá thấp. Việt Nam xuất khẩu nhiều sản phẩm nông nghiệp sang hầu hết các thị trường trên thế giới nhưng chủ yếu vẫn là xuất sản phẩm thô, mức độ chế biến còn rất thấp. Trong khi đó, Việt Nam phải nhập khẩu số lượng lớn vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp như thuốc trừ sâu, phân bón, thức ăn chăn nuôi, công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp chưa phát triển, vật tư trang thiết bị, máy móc chưa đáp ứng yêu cầu.

Đầu tư cho nông nghiệp còn thấp, chênh lệch giữa đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn với các lĩnh vực khác còn khá cao, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Mặc dù đã có những chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhưng người nông dân vẫn rất khó tiếp cận nguồn vốn đầu tư. Thu nhập bình quân của

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.22-23.

người nông dân đã cao hơn trước nhưng thấp hơn đáng kể so với lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

3. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay

Một là, chuyển đổi “tư duy sản xuất nông nghiệp” sang “tư duy kinh tế nông nghiệp”. “Tư duy sản xuất nông nghiệp” là sản xuất nông nghiệp chỉ lấy sản lượng làm mục tiêu và nó không còn phù hợp với xu hướng của thời đại, thay vào đó, tư duy kinh tế thị trường, căn cứ vào quy luật cung - cầu với sự điều tiết hợp lý của nhà nước, lấy thị trường làm định hướng sản xuất, sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với phát triển các liên kết ngang, liên kết dọc, đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình mới trong sản xuất kinh doanh, quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu người tiêu dùng, tạo ra thêm dịch vụ, trải nghiệm mới trên chính thửa ruộng, mảnh vườn, gia tăng thêm giá trị - đó chính là “tư duy kinh tế nông nghiệp”. Cần phát triển tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng dân cư, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, liên kết tăng cường liên kết, hợp tác trong sản xuất, gắn sản xuất, chế biến với thị trường, lấy thị trường là tín hiệu đầu vào cho sản xuất. Để thay đổi tư duy sang kinh tế nông nghiệp thành công, cần sự thay đổi lối sống, cách nghĩ của mỗi người dân, sao cho phát huy vai trò, nguồn lực trong cộng đồng dân cư, tiến tới hợp tác, chia sẻ, cùng giúp nhau làm giàu.

Hai là, hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường, tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng vùng, địa phương. Cùng với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong từng vùng và giữa các vùng, kết nối chuỗi giá trị toàn cầu. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP

Việt Nam trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

Ba là, phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản. Đổi mới hệ thống phân phối nông sản trong nước; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Hình thành hệ thống chợ đầu mối gắn với chuỗi logistics ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Hiện đại hóa hệ thống chợ phù hợp với tập quán và điều kiện cụ thể của từng địa phương, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Đối với thị trường ngoài nước cần chủ động phát huy cơ hội các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết để giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị trường chính trong và ngoài nước, giám sát lưu thông, tồn trữ hàng hóa vận chuyển tại các cửa khẩu giao dịch chính.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản; ứng dụng công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm,

thủy sản. Cần nâng cao hiệu quả các đề tài, dự án khoa học; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ. Nâng cao hiệu quả của công tác khuyến nông, khuyến ngư trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp, tạo sự chuyển biến rõ nét trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

Năm là, đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển ngành nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; bảo quản, chế biến nông sản. Quản lý và sử dụng có hiệu quả thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa đã được bảo hộ; tiếp tục xây dựng và phát triển thêm một số thương hiệu nông sản hàng hóa mới có lợi thế của địa phương. Thực hiện quy hoạch và phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, dịch vụ nông thôn; mở rộng các loại hình dịch vụ để giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp và nâng mức thu nhập cho nông dân; phát triển các làng nghề, chú trọng các nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, bảo quản, chế biến nông, lâm sản, cơ khí nhỏ, giấy da, vật liệu xây dựng,...

Sáu là, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, tiếp tục thực hiện tốt hơn, hiệu quả, thực chất hơn, bền vững hơn chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Nông thôn ổn định, phát triển hiện đại, văn minh thì đất nước mới ổn định, phát triển hiện đại, văn minh. Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông,...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội công bằng (nhà ở và nơi định cư, bảo hiểm chữa bệnh, chế độ về hưu,...) cho người dân nông thôn; hướng tới bình đẳng giới. Vì vậy, cần đa dạng hóa các nguồn vốn và đơn giản hóa, tối ưu hóa thủ tục tiếp cận vốn. Đầu tư phát triển mạnh hơn kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn; tiếp tục đầu tư phát triển

giao thông nông thôn; đầu tư để bảo đảm cung cấp đủ điện sinh hoạt và nước sạch cho cư dân nông thôn. Có chính sách cho doanh nghiệp tham gia mô hình liên kết doanh nghiệp - nông dân được vay vốn trung, dài hạn với lãi suất ưu đãi để triển khai thực hiện mô hình liên kết.

* * *

Quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam có xuất phát điểm từ mức rất thấp, do đất nước chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh tàn phá kéo dài và những hạn chế kéo theo trong quản lý kinh tế. Trải qua các kỳ đại hội Đảng, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng được nhận thức sâu sắc hơn, trên cơ sở đó Đảng đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn, phù hợp với tình hình và đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối và các nghị quyết của Đảng đã phản ánh việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nông dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tuy nhiên, quá trình đó vẫn còn những hạn chế, bất cập. Do vậy, cần có giải pháp căn cơ để tiếp tục phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh và bền vững trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

Tài liệu tham khảo

- [1]. Dương Thị Bích Diệp (2014), "Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp", Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8(81), tr.61-69.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4]. Lê Văn Lợi (2022), "Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta hiện nay", Tạp chí Khoa học chính trị, số 3.
- [5]. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 150/QĐ-TTg "Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050", Hà Nội, ngày 28/01/2022.
- [6]. Tổng cục Thống kê (2020), Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế-xã hội quý IV và năm 2020, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>
- [7]. Tổng cục Thống kê (2021), Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế-xã hội quý IV và năm 2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>